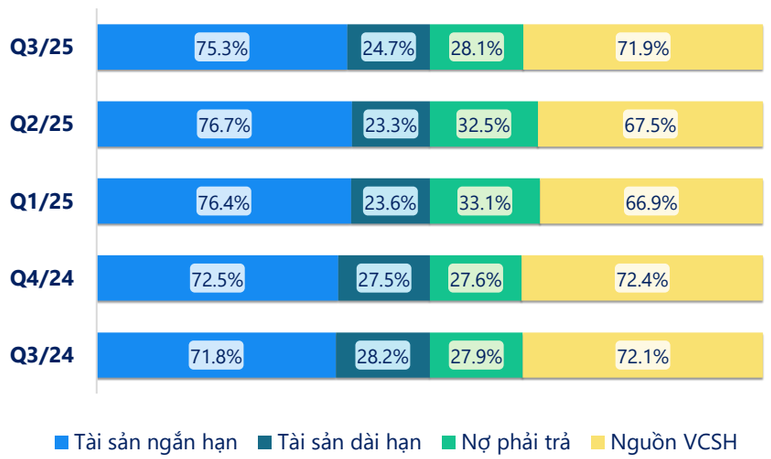
FireAnt

CTCP Đường Quảng Ngãi (UPCOM: QNS)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	47,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	48,414
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	41,377
SL cổ phiếu LH	367,648,153
KLGD BQ 20 phiên (CP)	98,885
% sở hữu nước ngoài	7.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,500
P/E	9.0
EPS	5,280

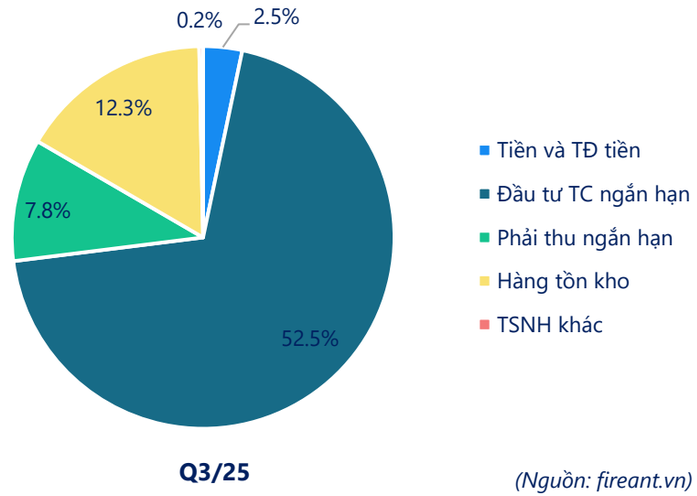
	YTD	1T	3T	6T
QNS	-0.1%	0.2%	1.4%	5.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



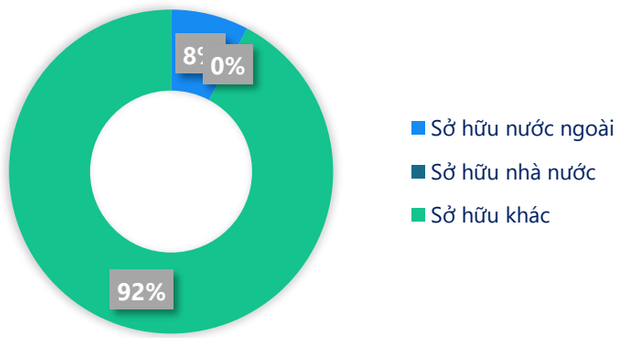
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



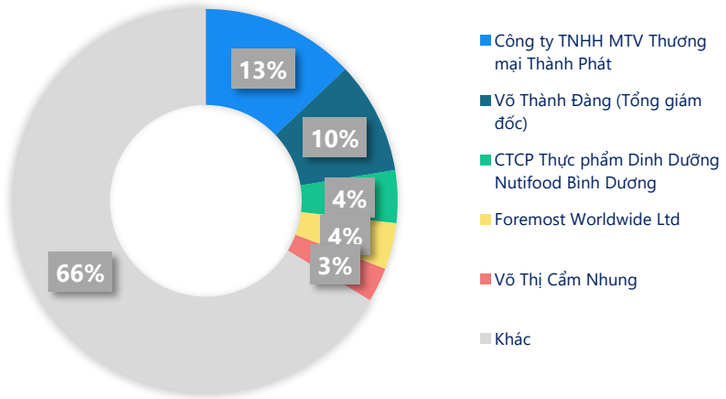
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



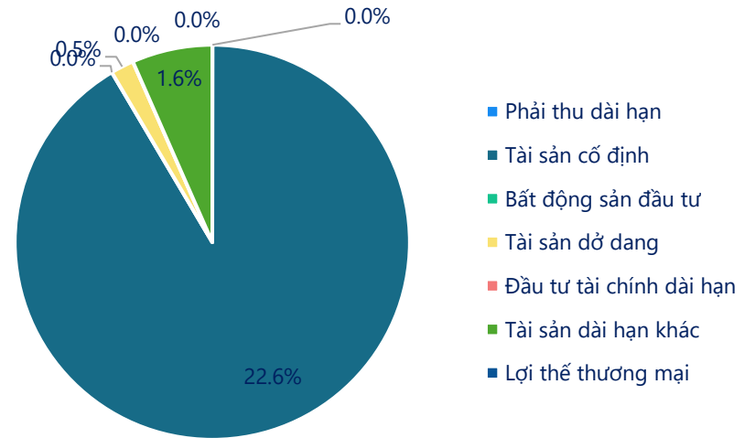
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

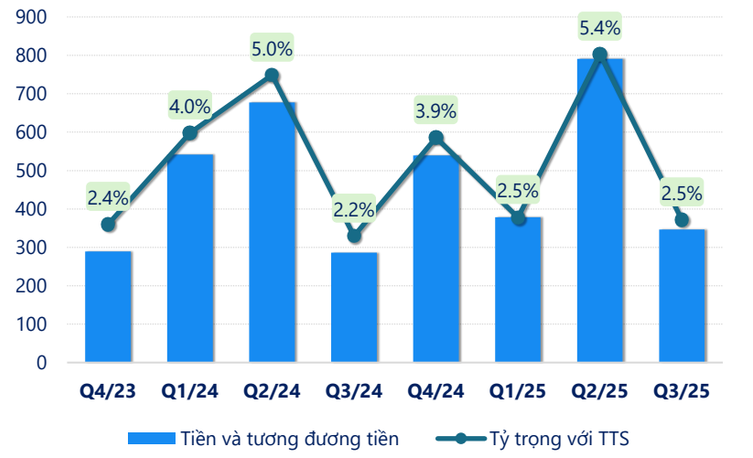


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

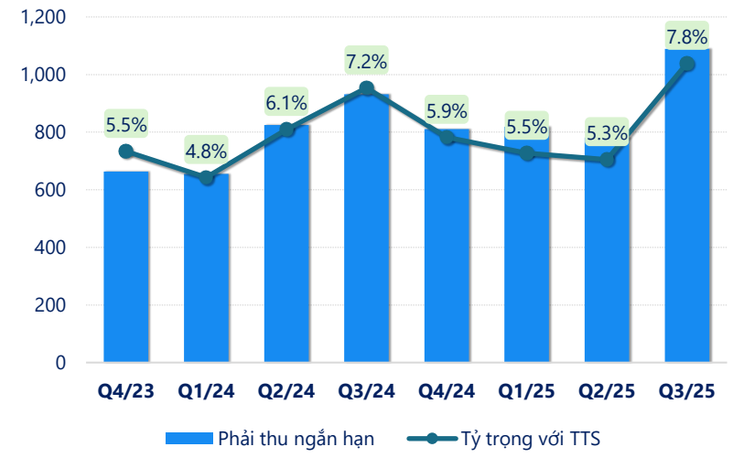
CTCP Đường Quảng Ngãi (UPCOM: QNS)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



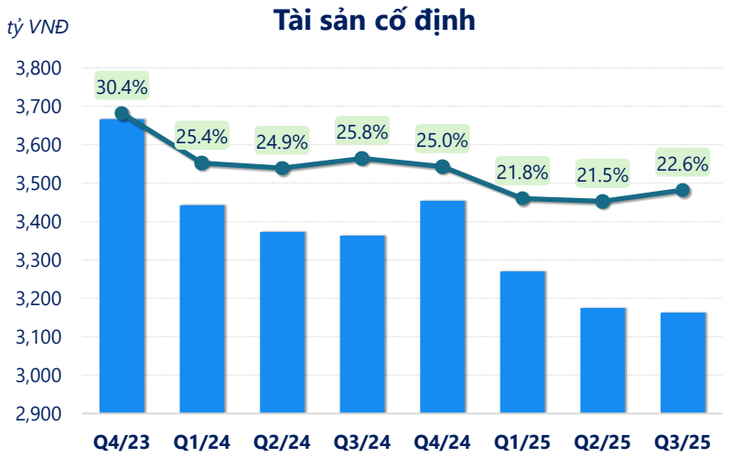
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



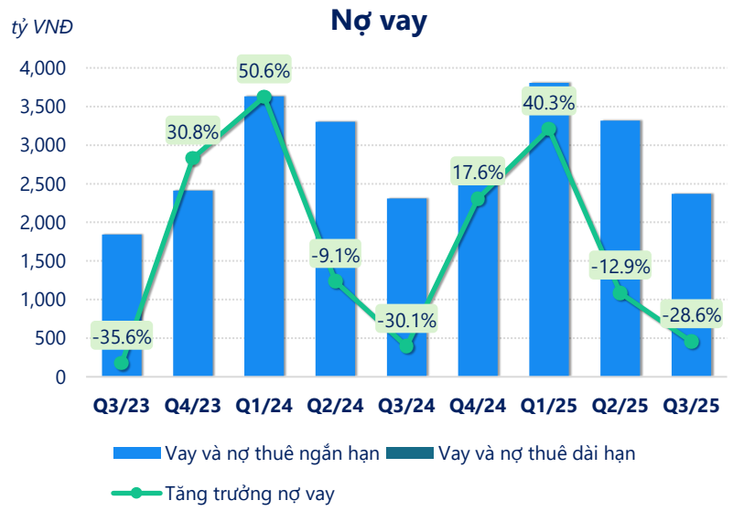
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



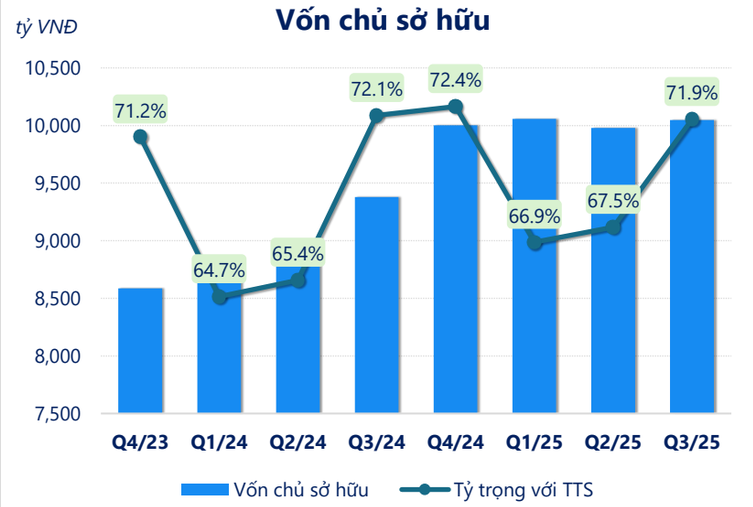
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

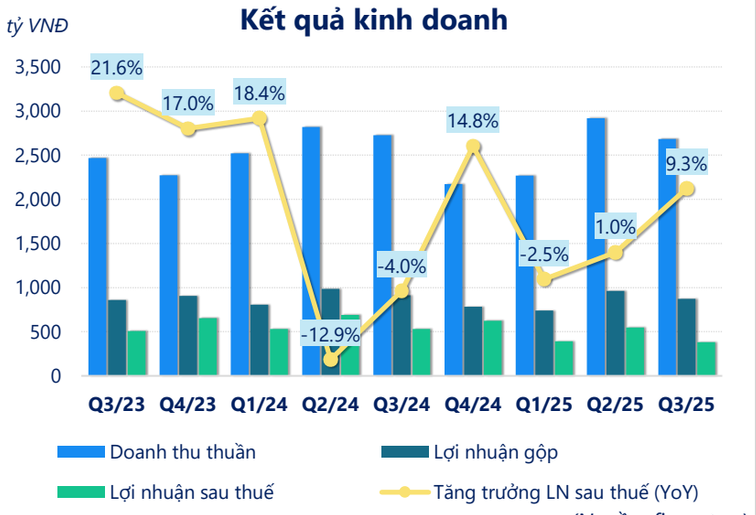


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

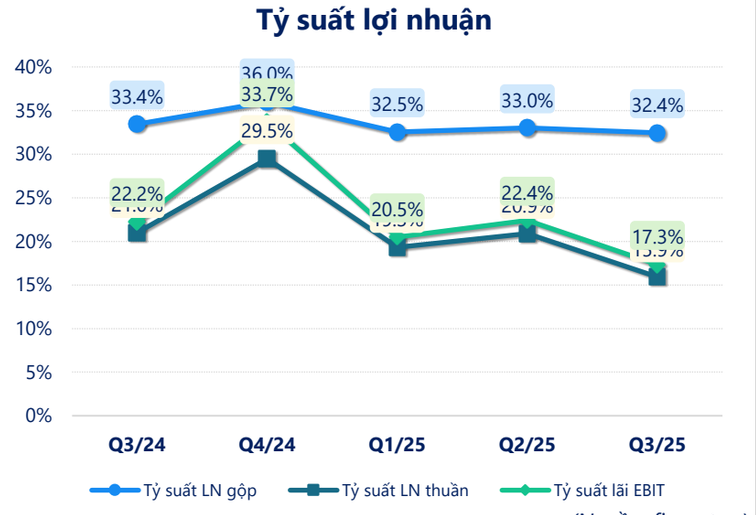
CTCP Đường Quảng Ngãi (UPCOM: QNS)

Kết quả kinh doanh



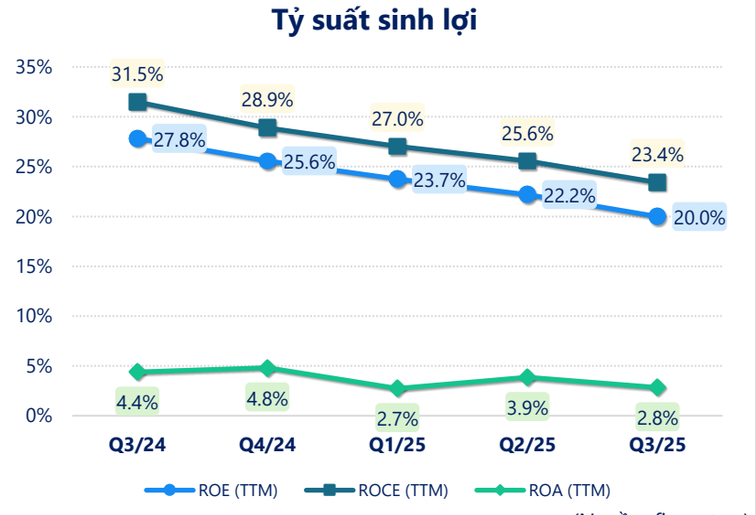
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



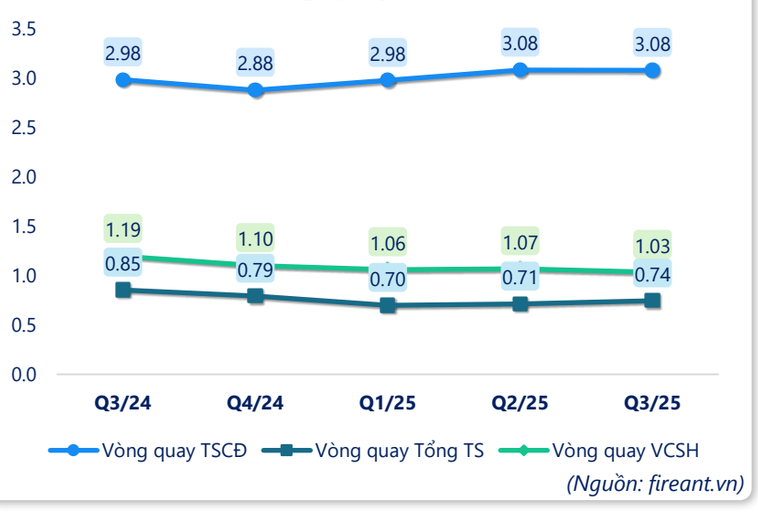
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



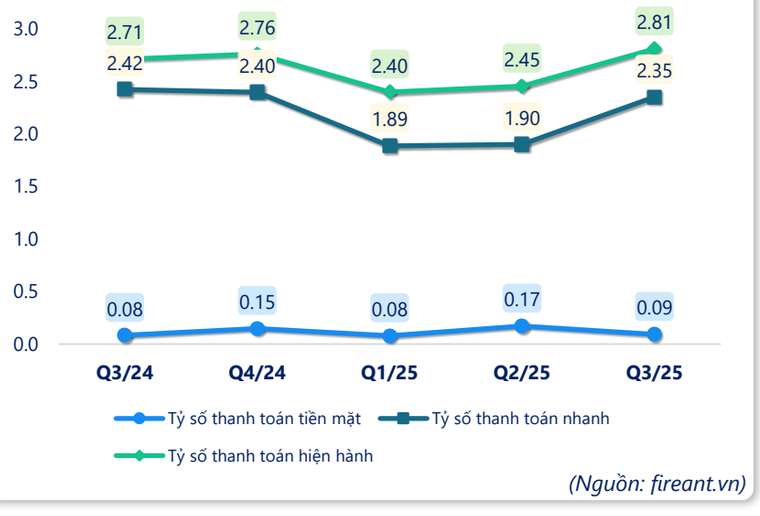
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



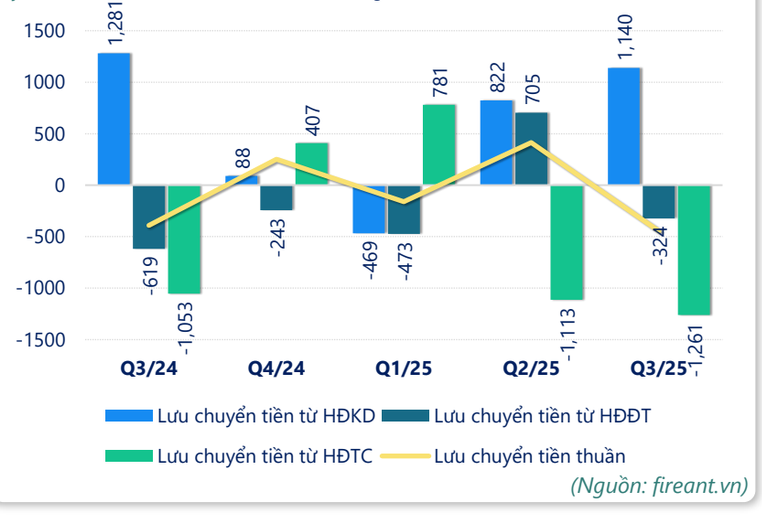
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đường Quảng Ngãi (UPCOM: QNS)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**13,972**	**13,808**	**1.2%**
Tài sản ngắn hạn	10,515	10,011	5.0%
Tiền và tương đương tiền	346	539	-35.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,332	7,299	0.5%
Phải thu ngắn hạn	1,089	810	34.4%
Hàng tồn kho	1,714	1,323	29.5%
Tài sản ngắn hạn khác	34.1	39.1	-12.7%
Tài sản dài hạn	**3,457**	**3,797**	**-9.0%**
Phải thu dài hạn	0.81	0.43	86.1%
Tài sản cố định	3,162	3,452	-8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	65.8	81.8	-19.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**228**	**264**	**-13.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,924	3,807	3.1%
Nợ ngắn hạn	**3,745**	**3,627**	**3.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,368	2,714	-12.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	251	464	-46.0%
Nợ dài hạn	180	180	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,048**	**10,002**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**10,048**	**10,002**	**0.5%**
Vốn điều lệ	3,676	3,676	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,727	2,174	2,269	2,918	2,685
Giá vốn hàng bán	1,815	1,392	1,531	1,955	1,814
Lợi nhuận gộp	912	782	739	963	871
Doanh thu HĐTC	63.7	69.3	63.6	75.0	77.3
Chi phí TC	20.0	18.7	27.4	34.8	25.7
Chi phí lãi vay	19.7	17.7	27.3	32.7	25.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	312	162	268	313	418
Chi phí QLDN	71.1	30.1	68.9	80.4	77.1
LN thuần từ HĐKD	573	641	438	610	427
Lợi nhuận khác	13.8	74.1	-0.19	11.1	13.2
LN trước thuế	587	715	438	621	441
Lợi nhuận sau thuế	532	623	392	546	381
LNST của CĐ cty mẹ	532	623	392	546	381

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,281	88.1	-469	822	1,140
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-619	-243	-473	705	-324
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,053	407	781	-1,113	-1,261
Tiền đầu kỳ	677	286	539	379	791
Lưu chuyển tiền thuần	**-391**	**252**	**-161**	**413**	**-446**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	1.00	0	-0.92	0.92
Tiền cuối kỳ	286	539	379	791	346

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic